

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGHỀ NUÔI ONG MẬT BỀN VỮNG TẠI TỈNH SƠN LA

Hoàng Thị Hồng Nghiệp, Vũ Thị Ngọc Ánh

Trường Cao đẳng Sơn La

TÓM TẮT

Có 5 loài ong mật được khai thác chủ yếu tại Sơn La. Mỗi loài ong khác nhau có tập tính xây tổ khác nhau và sinh cảnh bắt gặp chúng vì thế rất đa dạng như: nương rẫy, trong đất, trong rừng... Có 2/5 loài ong mật được nhân nuôi tại Sơn La là Ong mật nội và Ong mật ngoại, các loại ong còn lại hoàn toàn được thu bắt ngoài tự nhiên không được nhân nuôi. Số hộ nuôi ong trên địa bàn Sơn La là 1.398 hộ với tổng số đàn ong là 64.826 đàn, trong đó đàn ong nội chiếm ưu thế hơn nhiều so với đàn ong ngoại là 12.474 đàn (chiếm 80,76%), ong ngoại 52.352 đàn (chiếm 19,24%). Chỉ riêng 6 tháng đầu năm 2018 tổng sản lượng mật thu được là 1.285,647 tấn, sáp 50,745 tấn và phấn hoa là 782,789 tấn. Tổng giá trị sản lượng thu được khá lớn là 343.504,79 triệu đồng. Mật ong Sơn La nổi tiếng với sản lượng chất lượng mang tính đặc thù của vùng miền núi Tây Bắc. Căn cứ trên quá trình phân tích SWOT về thực trạng nghề nuôi ong mật tại Sơn La đã đưa ra được 5 nhóm giải pháp phát triển chăn nuôi ong bền vững gồm: Công tác quản lý; giải pháp về giống; thức ăn của ong; giải pháp về khoa học công nghệ và giải pháp về thị trường.

Từ khóa: Giải pháp phát triển, ong mật, sản lượng, tập tính, thực trạng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ong mật cho con người những sản phẩm có giá trị dinh dưỡng cao như: mật ong, phấn hoa, sáp ong... Các sản phẩm này được sử dụng làm thực phẩm, đồ uống, bài thuốc cổ truyền và là nguyên liệu của nhiều sản phẩm mỹ phẩm của các ngành công nghiệp khác. Nuôi ong là một nghề đặc biệt, không bóc lột tài nguyên thiên nhiên, tạo công ăn việc làm cho nhiều lứa tuổi. Nuôi ong mật là nghề truyền thống của các dân tộc tại Sơn La như Kinh, Thái, H'Mông, Dao, Mường, Khơ Mú, La Ha... và ngày càng được phát triển một cách nhanh chóng. Hơn 50 năm nghiên cứu ứng dụng và phát triển, nghề nuôi ong của Sơn La đã đem lại hiệu quả kinh tế cao, đồng thời tạo việc làm cho hàng ngàn lao động xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo và làm giàu cho người dân đặc biệt là những người dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa có đời sống hết sức khó khăn. Vì vậy nghiên cứu “Thực trạng và giải pháp phát triển nghề chăn nuôi ong mật bền vững tại tỉnh Sơn La” cho thấy cái nhìn toàn diện, cập nhật hơn về nghề nuôi ong mật như thành phần loài ong mật, tập tính ong, tình hình chăn nuôi ong tại Sơn La hiện nay và từ đó đưa ra các giải pháp nhằm tạo đà tiếp tục phát triển nghề này một cách sâu rộng, có hiệu quả, bền vững, duy trì uy tín

và thương hiệu ong Sơn La.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp phỏng vấn

Sử dụng phương pháp phỏng vấn bán định hướng để thu thập các thông tin có liên quan đến tình hình chăn nuôi ong tại Sơn La: số hộ nuôi ong, số đàn ong, sản lượng và giá trị các sản phẩm thu được từ việc nuôi ong. Số người được phỏng vấn là 120 người với 10 người/địa điểm tại 12 địa điểm là 11 huyện (Bắc Yên, Mai Sơn, Mộc Châu, Mường La, Phù Yên, Quỳnh Nhai, Sông Mã, Sốp Cộp, Thuận Châu, Vân Hồ, Yên Châu) và thành phố Sơn La. Người được lựa chọn để phỏng vấn là những người trực tiếp nuôi ong, kinh doanh ong, người thuộc nghiệp đoàn ong hay hội nuôi ong Sơn La. Việc phỏng vấn tiến hành trao đổi trực tiếp và qua phiếu điều tra.

2.2. Phương pháp điều tra thực địa

Tiến hành điều tra thực địa theo các tuyến chạy qua địa bàn các huyện Thuận Châu, Mai Sơn, Sông Mã, Mộc Châu và thành phố Sơn La với tổng chiều dài các tuyến 77 km, để xác định thành phần các loài ong mật được khai thác chủ yếu tại Sơn La, mô tả tập tính xây tổ kết hợp thu thập mẫu vật để định loại. Việc phân tích, định loại vật mẫu căn cứ vào các dấu hiệu hình thái ngoài của trứng thành và dựa theo các tài liệu

định loại: Michener (2007), Ruttner (1988), Vecht (1952), Warrit et al. (2012).

2.3. Phương pháp xử lý số liệu

- Tổng hợp các số liệu thu thập được để thống kê thành phần loài ong mật được khai thác chủ yếu tại Sơn La.

- Số liệu được tính toán, xử lý bằng phần mềm Excel 2010.

- Phân tích SWOT: tìm ra điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của việc nuôi ong mật tại Sơn La.

Đề xuất giải pháp quản lý, phát triển các

loài côn trùng làm thực phẩm được buôn bán ở Sơn La dựa trên kết quả quá trình khảo sát, điều tra thực địa, thu thập số liệu, phân tích tài nguyên côn trùng làm thực phẩm tại khu vực nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thành phần các loài ong mật được khai thác chủ yếu tại Sơn La

Các loài ong mật được khai thác tại Sơn La thuộc bộ Cánh màng (Hymenoptera), họ Ong mật (Apidae) được thể hiện trong bảng 1.

Bảng 1. Thành phần loài ong mật được khai thác chủ yếu tại Sơn La năm 2018

TT	Tên khoa học	Tên phổ thông	Tên địa phương (Tiếng Thái)
1	<i>Apis cerana</i> Fabricius	Ong mật nội	Meng châng
2	<i>Apis mellifera</i> Linnaeus	Ong mật ngoại	Meng châng
3	<i>Apis florea</i> Fabricius	Ong ruồi bụng đỏ	Tô mịm
4	<i>Apis dorsata</i> Fabricius	Ong khoái	Tô ta tiến đán
5	<i>Apis laboriosa</i> Smith	Ong đá	Tô phẳng

Qua kết quả điều tra ở bảng 1 cho thấy, có 5 loài ong mật được khai thác chủ yếu tại Sơn La. Trong đó Ong mật nội và Ong mật ngoại chủ yếu được nuôi bởi người dân, các loại ong còn lại hoàn toàn được thu bắt ngoài tự nhiên

không có tác động nhân nuôi bởi con người. Nghiên cứu đã thống kê được thêm 2 loài là Ong mật ngoại và Ong đá so với công trình nghiên cứu trước đây của Hoàng Thị Hồng Nghiệp (2017).



Hình 1. Apis mellifera








Hình 2. Apis laboriosa

3.2. Tập tính xây tổ của các loài ong mật được khai thác chủ yếu tại Sơn La

Mỗi loài ong khác nhau có tập tính xây tổ khác nhau và sinh cảnh bắt gặp chúng vì thế rất đa dạng như: nương rẫy, trong đất, trong

rừng... Kết quả điều tra khảo sát về tập tính xây tổ và sinh cảnh sống của 5 loài ong mật được khai thác chủ yếu tại Sơn La được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Tập tính xây tổ của các loài ong mật được khai thác chủ yếu tại Sơn La

TT	Tên khoa học	Hình tổ ong	Tập tính xây tổ và lượng mật dự trữ
1	<i>Apis cerana</i> Fabricius	 Hình 3	<ul style="list-style-type: none"> - Xây một vài bánh tổ song song với nhau và vuông góc với mặt đất, tổ của chúng được xây ở những nơi kín đáo như trong hốc cây, hốc đá, góc tủ gỗ... - Năng suất mật đạt trung bình từ 10 - 15 kg/đàn/năm
2	<i>Apis mellifera</i> Linnaeus	 Hình 4	<ul style="list-style-type: none"> - Xây tổ giống như ong <i>Apis cerana</i> nhưng do kích thước cơ thể lớn, số lượng ong đông nên tổ của chúng phải rộng, lỗ tổ to hơn lỗ tổ ong <i>Apis cerana</i>. - Lượng mật dự trữ lớn từ 25 - 30 kg/đàn
3	<i>Apis florea</i> Fabricius	 Hình 5	<ul style="list-style-type: none"> - Xây một bánh tổ trên cành cây nhỏ lộ ra ngoài không khí, phía trên phần chứa mật phình ra bám vào cành cây, còn phần dưới là nơi chứa phẩn và lỗ ấu trùng rủ xuống. - Lượng mật dự trữ của loài ong này ít hơn các loài ong khác, khoảng từ 0,7 - 1,2 kg mật nên ít có giá trị kinh tế.
4	<i>Apis dorsata</i> Fabricius	 Hình 6	<ul style="list-style-type: none"> Xây một bánh tổ trên cành cây hoặc dưới các vách đá có độ cao từ 100 đến 500 m so với mực nước biển. Kích thước bánh tổ khá lớn, dài khoảng 0,5 - 2 m, rộng 0,5 - 0,7 m. Phía trên bánh tổ là nơi dự trữ mật, tiếp theo là nơi chứa phẩn, chứa ấu trùng và nhộng. Cho thu sản phẩm từ tháng 4 đến tháng 10 hàng năm. - Lượng mật dự trữ của loài ong này bình quân 5 kg/đàn
5	<i>Apis laboriosa</i> Smith	 Hình 7	<ul style="list-style-type: none"> Xây một bánh tổ dưới các vách đá, nơi có độ cao trên 1000 m so với mực nước biển. Kích thước tổ và số lượng cá thể rất lớn nên lượng mật dự trữ nhiều, thường 40 - 60 kg mật/bánh tổ. Cho thu sản phẩm từ tháng 4 đến tháng 9 hàng năm.

3.3. Tình hình chăn nuôi ong tại Sơn La

3.3.1. Số hộ nuôi ong và số lượng đàn ong tại Sơn La

Nghề nuôi ong lấy mật đã được con người thực hiện từ hàng ngàn năm trước, đem lại cho con người một nguồn lợi to lớn. Loài ong được lựa chọn để nuôi trên địa bàn tỉnh Sơn La là Ong mật nội và Ong mật ngoại với số lượng đàn khá lớn (bảng 3). Giống ong ngoại là nhập

nội gốc Ý, Sơn La đã nhập nuôi từ năm 1978. Đây là giống ong thuần của quốc tế. Giống ong nội phân bố ở hầu hết các huyện trong tỉnh. Từ nhiều năm nay, các đàn ong đều được nuôi trong rừng tự nhiên và tại hộ gia đình hội viên trong toàn tỉnh. Hình thức chăn nuôi ong tại Sơn La chuyển dần từ tự phát, nhỏ lẻ sang hình thức nuôi tập trung.

Bảng 3. Số hộ nuôi ong và số lượng đàn ong được nuôi tại Sơn La
(Thống kê tháng 3 năm 2018)

TT	Đơn vị	Số hộ nuôi ong	Số đàn		
			Ong ngoại	Ong nội	Tổng số
1	Bắc Yên	30	0	550	550
2	Mai Sơn	88	5.085	253	5.338
3	Mộc Châu	70	19.180	0	19.180
4	Mường La	66	765	563	1.328
5	Phù Yên	32	2.610	287	2.897
6	Quỳnh Nhai	206	0	1.424	1.424
7	Sông Mã	240	5892	500	6.392
8	Sốp Cộp	70	0	2.000	2.000
9	Thành phố	21	1.550	0	1.550
10	Thuận Châu	458	460	6.527	6.987
11	Vân Hồ	20	200	190	390
12	Yên Châu	65	8.205	180	8.385
13	Nghiệp đoàn ong	32	8.405	0	8.405
Tổng		1.398	52.352	12.474	64.826

Qua kết quả ở bảng 3, tổng số hộ nuôi ong trên địa bàn Sơn La là 1.398 hộ giải quyết công ăn việc làm cho khoảng 5.000 lao động sống chính bằng nghề nuôi ong. Tổng số đàn ong là 64.826 đàn, trong đó đàn ong nội chiếm ưu thế hơn nhiều so với đàn ong ngoại là 12.474 đàn (chiếm 80,76%), ong ngoại 52. 352 đàn (chiếm 19,24%). Các trang trại nuôi ong lớn tập trung ở các huyện Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn. Có 3 huyện chỉ nuôi hoàn toàn Ong nội là Bắc Yên, Quỳnh Nhai, Sốp Cộp ngược lại cũng có 3 đơn vị chỉ nuôi Ong ngoại là Mộc Châu, Thành phố Sơn La và Nghiệp đoàn ong Sơn La. Quy mô phát triển đàn ong hàng năm phụ thuộc vào điều kiện thời tiết, khí hậu, mùa vụ, nguồn hoa, khả năng tiết mật của hoa từ cây nông nghiệp và cây lâm nghiệp. Người nuôi ong có thể di chuyển đàn ong từ vùng này sang

vùng khác tùy vào nguồn mật hoa. Hiện nay Sơn La là tỉnh hàng đầu ở Miền Bắc nuôi nhiều ong mật và là một trong 10 tỉnh đứng đầu cả nước về số lượng đàn ong và sản lượng mật của cả nước (Hội ngành nghề Nông nghiệp nông thôn Sơn La, 2018).

3.3.2. Lượng sản phẩm khai thác từ ong mật tại Sơn La

Mật ong, phấn hoa, sữa ong chúa, sáp ong, keo ong, ấu trùng ong, nhộng ong... là những sản phẩm chính thu được từ việc nuôi ong. Trong đó sản phẩm mật ong được sử dụng nhiều nhất trong các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, mỹ phẩm, công nghiệp thực phẩm. Sản lượng sản phẩm khai thác được từ việc nuôi ong trên địa bàn Sơn La được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Lượng sản phẩm khai thác từ ong mật tại Sơn La

(Số liệu thống kê 6 tháng đầu năm 2018 của Hội ngành nghề NNNT tỉnh Sơn La)

TT	Đơn vị	Lượng sản phẩm khai thác (tấn)			Thành tiền (triệu đồng)
		Mật	Sáp	Phấn	
1	Bắc Yên	5,500	0	0	825,00
2	Mai Sơn	64,240	1,017	25,425	17.631,81
3	Mộc Châu	671,30	3,836	67,130	82.684,98
4	Mường La	7,187	1,530	1,300	2.922,75
5	Phù Yên	703,600	5,220	4,550	42.309,10
6	Quỳnh Nhai	7,120	0	0	1.780,00
7	Sông Mã	135,150	5,922	25,008	23.858,66
8	Sốp Cộp	2,000	0	0	1.319,00
9	Thành phố	34,450	0,340	8,500	6.458,70
10	Thuận Châu	39,17	0,092	2,300	9.766,86
11	Vân Hồ	6 000	0,400	1000	1.112,00
12	Yên Châu	175,000	16,410	27,336	32.394,13
13	Nghiệp đoàn ong	151,400	16,810	620,240	120.441,80
	Tổng	1.285,647	50,745	782,789	343.504,79



Hình 8. Sáp ong chứa mật



Hình 9. Mật ong



Hình 10. Phấn hoa

Qua kết quả ở bảng 4 cho thấy, chỉ 6 tháng đầu năm 2018 tổng sản lượng mật thu được là 1.285,647 tấn, sáp 50,745 tấn và phấn hoa là 782,789 tấn. Tổng giá trị sản lượng thu được khá lớn là 343.504,79 triệu đồng. Mật ong Sơn La nổi tiếng với sản lượng chất lượng mang tính đặc thù của vùng miền núi Tây Bắc. Theo công trình nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Vững (2010), sản lượng mật ong ở Sơn La thu được trong 6 tháng đầu năm 2018 đã tăng hơn rất nhiều so với những năm trước đây, từ năm 2001 đến năm 2007 sản lượng mật ong Sơn La chỉ dao động từ 350 đến 600 tấn/năm. Có sự tăng trưởng vượt bậc như vậy do đã thu hút được nhiều hộ gia đình tham gia nuôi ong và quy mô số đàn ong cũng tăng lên đáng kể.

Với ong mật ngoại sản phẩm thu được gồm cả mật, sáp và phấn hoa. Ong ngoại là nhập nội gốc ý, Sơn La đã nhập nuôi từ năm 1978. Đây

là giống ong thuần của quốc tế. Tính ổn định, năng suất, chất lượng cao. Số lượng hàng hóa lớn chủ yếu là do giống ong này cung cấp. Ong mật nội chỉ cho khai thác mật (do vắt mật thủ công) và nuôi bằng đờ tròn (thân cây rỗng ruột) đặt trong rừng. Hiện có khoảng 5 - 10% đã chuyển sang đờ vuông để quay mật.

Hiện nay tại Sơn La đã hình thành các tổ chức, các mô hình nuôi ong tại các địa phương như: Hợp tác xã nuôi ong, Đoàn nuôi ong, các Chi hội nuôi ong, Trung tâm ong, Tổ chức khuyến nông ong nhân dân trực thuộc Hội nuôi ong trước đây và Hội ngành nghề nông nghiệp nông thôn hiện nay, Nghiệp đoàn ong liên tỉnh, các hộ nuôi ong trong toàn tỉnh. Thông qua các mô hình, người nuôi ong có sự gắn kết, chia sẻ kinh nghiệm sản xuất và tìm kiếm thị trường tiêu thụ. Hình thức chăn nuôi tự phát, nhỏ lẻ dần chuyển sang hình thức nuôi ong tập trung.

3.3.3. Phân tích SWOT về thực trạng nghề nuôi ong mật tại Sơn La

Điểm mạnh	Điểm yếu
<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích tự nhiên của Sơn La lớn 1.412.350 ha, diện tích rừng toàn tỉnh 633.687 ha, rừng tự nhiên 609.689 ha, rừng trồng 23.998 ha, khí hậu thích hợp cho nhiều loài thực vật, cây trồng phát triển, tạo nguồn phấn, nguồn mật phong phú. - Khí hậu, thời tiết phù hợp với sinh thái ong. Nhiệt độ trung bình tháng 20 - 21⁰C, mùa hè 24 - 25⁰C, mùa đông 8 - 16⁰C, độ ẩm trung bình các tháng 70 - 80%. - Sơn La có nguồn lao động dồi dào, có truyền thống và kinh nghiệm nuôi ong mật, được chuyển giao khoa học kỹ thuật đến từng hội viên nuôi ong . - Các sản phẩm mật ong Sơn La có uy tín, là đặc sản, đặc trưng của vùng miền được thiên nhiên ban tặng. Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm mật ong là rất lớn 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn phấn, nguồn mật không ổn định. Thời gian phải cho ong mật ngoại ăn bổ sung 4 tháng/năm. Nguồn hoa theo mùa nên phải di chuyển đàn ong dẫn đến chi phí lớn. - Tình trạng lạm dụng thuốc trừ sâu, trừ cỏ trên nương rẫy đang có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và là tác nhân chính gây bệnh làm suy giảm sức sống của đàn ong cũng như chất lượng mật ong, phấn hoa. - Trình độ năng lực của các hộ nuôi ong còn hạn chế, phần lớn các hộ nuôi ong ít được đào tạo kỹ thuật một cách bài bản mà chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. - Chưa có tổ chức đầu mối và nhà đầu tư đủ mạnh để chế biến, bảo quản, bao tiêu sản phẩm, chưa hòa nhập được với thị trường bên ngoài.
Cơ hội	Thách thức
<ul style="list-style-type: none"> - Sự quan tâm của các cấp chính quyền, địa phương trong việc gắn phát triển cây ăn quả, cây công nghiệp với quy mô phát triển đàn ong. - Hiện nay vấn đề phát triển nghề nuôi ong đang thu hút sự đầu tư, quan tâm của nhiều tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. - Các thị trường lớn đang có nhu cầu sản phẩm từ ong mật. - Được hỗ trợ nhiều về kỹ thuật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện tại các đàn ong giống gốc năng suất chưa được cải thiện, chưa có ong giống tốt cung cấp cho sản xuất, chưa có công trình nghiên cứu để cải tạo nâng cao chất lượng đàn ong. - Một số người nuôi ong còn chạy theo lợi nhuận nên thời gian khai thác còn tùy tiện làm giảm chất lượng của mật ong. - Còn có tình trạng tranh giành điểm đặt nuôi ong, mật độ nuôi ong tại một số địa phương phân bố chưa hợp lý, chưa có kế hoạch quản lý và phân bổ nguồn hoa.

3.4. Giải pháp phát triển chăn nuôi ong bền vững

3.4.1. Công tác quản lý

- Quy hoạch vùng nuôi ong nội và ong ngoại, duy trì và bảo tồn giống ong nội trong tỉnh để tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập cho đồng bào;
- Cần sớm có kế hoạch quản lý và tổ chức khai thác vùng hoa là tài nguyên thiên nhiên của tỉnh;
- Sớm đưa quy trình, quy chế quản lý và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật vừa đảm bảo cho

cây trồng vừa đảm bảo chất lượng cho đàn ong và sản phẩm của ong khi tham gia vào thực tiễn đảm bảo sức khỏe cộng đồng;

- Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia cho các sản phẩm ong tiến tới tương đương với bộ tiêu chuẩn của EU (Liên minh Châu Âu), giám sát chặt chẽ hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm.

3.4.2. Giải pháp về giống

- Nâng cao hiệu quả và chất lượng của công tác thú y bảo vệ sản xuất ong trong tỉnh tránh sự lây nhiễm bệnh;

- Tuyển chọn, lai tạo sản xuất giống ong chất lượng cao, đầu tư kinh phí nhập giống ong mới để nâng cao chất lượng giống ong ngoại;

- Cần đầu tư nhập khẩu giống ong, nghiên cứu chọn tạo ra giống ong mới áp dụng ứng dụng công nghệ kỹ thuật có thành tựu công nghệ cao, có năng suất cao đạt 100 – 250 kg mật ong/đàn.

3.4.3. Thức ăn của ong

- Kiểm soát, giám sát chặt chẽ nguyên liệu chế biến thức ăn bổ sung đặc biệt cần loại trừ những nguyên liệu là sản phẩm của cây trồng có liên quan đến biến đổi gen;

- Các hộ nuôi ong mật nên cho ong ăn bổ sung bằng các nguyên liệu từ sản phẩm thu được tại địa phương như đậu tương và tinh bột sắn, phân ngô và phân hoa khô.

3.4.4. Giải pháp về thị trường

- Đẩy mạnh tiêu thụ mật ong nội địa;

- Nâng cao chất lượng sản phẩm để giới thiệu quảng bá trên các thị trường không chỉ trong nước mà còn trên thế giới;

- Ngăn chặn các sản phẩm của ong kém chất lượng từ nước ngoài đưa vào Việt Nam để tái xuất;

- Chủ yếu đánh bắt trong tự nhiên và khai thác tự nhiên. Chú trọng khâu khai thác, đóng gói để đưa sản phẩm ong nội trở thành hàng hóa;

- Các doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư xây dựng cải tiến đa dạng hóa sản phẩm, tuyên truyền về lợi ích của mật ong đối với sức khỏe cộng đồng.

- Sơn La là vùng có thương hiệu mật ong cần xây dựng chỉ dẫn địa lý, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn địa phương để quản lý nuôi ong.

3.4.5. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Đầu tư nâng cấp hệ thống trang thiết bị kiểm tra chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, đào tạo kỹ thuật viên để kiểm tra hàm lượng các chất tồn dư kháng sinh;

- Đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và đào tạo, tập huấn chăn nuôi ong cho nông dân tại các địa phương.

- Các nhà nuôi ong cần tăng quy mô hoạt

động và đầu tư sử dụng công nghệ mới cho ong để nâng cao hiệu quả sản xuất;

- Xây dựng mô hình chăn nuôi an toàn dịch bệnh, áp dụng thực hành chăn nuôi tốt cho nuôi ong mật tại Sơn La (VietGAHP nuôi ong mật), thực hiện truy xuất nguồn gốc về mật ong;

- Tăng cường áp dụng các tiến bộ kỹ thuật công nghệ cao cho nuôi ong và thu hoạch sản phẩm.

IV. KẾT LUẬN

Đã xác định được 5 loài ong mật được khai thác chủ yếu tại Sơn La, trong đó có 2 loài được nhân nuôi là Ong mật nội và Ong ngoại, các loài còn lại được thu bắt hoàn toàn ngoài tự nhiên không có tác động nhân nuôi bởi con người. Mỗi loài ong khác nhau có tập tính xây tổ khác nhau và sinh cảnh bắt gặp chúng vì thế rất đa dạng như: nương rẫy, trong đất, trong rừng... Số hộ nuôi ong trên địa bàn Sơn La là 1.398 hộ với tổng số đàn ong là 64.826 đàn, trong đó đàn ong nội chiếm ưu thế hơn nhiều so với đàn ong ngoại là 12.474 đàn (chiếm 80,76%), ong ngoại 52.352 đàn (chiếm 19,24%). Các trang trại nuôi ong lớn tập trung ở các huyện Mộc Châu, Yên Châu, Mai Sơn. Chỉ riêng 6 tháng đầu năm 2018 tổng sản lượng mật thu được là 1.285,647 tấn, sáp 50,745 tấn và phấn hoa là 782,789 tấn. Tổng giá trị sản lượng thu được là 343.504,79 triệu đồng. Mật ong Sơn La nổi tiếng với sản lượng chất lượng mang tính đặc thù của vùng miền núi Tây Bắc. Đã đưa ra được 5 nhóm giải pháp phát triển chăn nuôi ong bền vững gồm: Công tác quản lý; giải pháp về giống; thức ăn của ong; giải pháp về khoa học công nghệ và giải pháp về thị trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hội ngành nghề nông nghiệp nông thôn Sơn La (2018), *Báo cáo thực trạng nghề nuôi ong Sơn La*.
2. Hoàng Thị Hồng Nghiệp (2017), *Nghiên cứu côn trùng Lâm nghiệp làm thực phẩm và đề xuất giải pháp bảo tồn chúng tại khu vực Tây Bắc*, Việt Nam, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Lâm Nghiệp, Hà Nội.
3. Lê Quang Trung (2013), *Phân biệt Ong khoái Apis dorsata và Ong đá Apis laboriosa, nghiên cứu tập tính di cư của chúng dựa vào đa hình trình tự gen COII trên DNA ty thể*, Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 5.

4. Viện Chăn nuôi (2018), *Giải pháp nâng cao chất lượng và thúc đẩy xuất khẩu mật ong Việt Nam*, Tài liệu hội thảo, Hà Nội.

5. Nguyễn Ngọc Vững (2010), *Điều tra đánh giá thực trạng sản xuất ngành ong Việt Nam*, Trung tâm nghiên cứu và phát triển ong, Hà Nội.

6. Koeniger N, Wijayagunasekera HNP (1976) Time of drone flight in the three Asiatic honeybee species (*Apis cerana*, *Apis florea*, *Apis dorsata*), *J Apic Res* 15, 67-71.

7. McEvoy MV and Underwood BA (1988), *The drone and species status of the Himalayan honey bee, Apis laboriosa (Hymenoptera: Apidae)*, *J Kans Entomol Soc* 61, 246-24.

8. Michener C. D. (2007), *The Bees of the World*, 2nd ed, Johns Hopkins University Press, Baltimore, 953pp.

9. Ruttner F. (1988), *Biogeography and Taxonomy of Honeybees*, Springer Verlag, Berlin.

10. Underwood B.A. (1990), *Seasonal nesting cycle and migration patterns of the Himalayan honey bee, Apis laboriosa*, *Natl Geogr Res* 6, 276-290.

11. Van der Vecht J. (1952), A preliminary revision of the Oriental species of the genus *Ceratina* (Hymenoptera, Apidae), *Zoologische Verhandelingen*: 1-85.

12. Warrit N., Michener C. D. & Lekprayoon C. (2012), A review of small carpenter bees of the genus *Ceratina*, subgenus *Ceratinidia*, of Thailand (Hymenoptera, Apidae). *Proceedings of the Entomological Society of Washington*, 114 (3): 398-416.

THE STATE AND SOLUTION TO THE DEVELOPMENT IN BEEHONEY'S OCCUPATION SUSTAINABILITY IN SON LA PROVINCE

Hoang Thi Hong Nghiep, Vu Thi Ngoc Anh
Son La College

SUMMARY

There are 5 species of honeybees for the main exploitation in Son La. For each different species of bee has different nesting habitat and diverse ecological conditions such as the swidden fields, soil, forest, etc. Two-fifths of bee species are propagated by local people in Son La like native and exotic species. Other bee species are entirely collected in the wild without any breeding effect by humans. The number of bee households in Son La is 1,398 with 64,826 flocks, of which bees are predominantly domestic honey bee 12,474 (80.76%), bee 52, 352 flocks (accounted for 19.24%). In the first 6-months of 2018, the total yield of honey was 1,285,647 tons, 50,745 tons of wax and 782,789 tons of pollen. The total value of income is largely 343,504.79 million VND. The quality of Son La's honey is well-known and special in the northwestern mountainous region. Based on the SWOT analysis of the current status of honey production in Son La, five groups of the solution to sustainable beekeeping were developed: Management; breed solution; bee's food; science and technology and the marketing solution.

Keywords: Behavior, composition, development solutions, honey, yield.

Ngày nhận bài : 22/4/2019

Ngày phản biện : 22/5/2019

Ngày quyết định đăng : 30/5/2019